TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ,** T PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HSST
Ngày: 17/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - T PHỐ HÀ NỘI

- ***T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Trung Trực**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thu Lý**
2. Ông **Trần Quang Thủy**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Hải Yến.**
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, T phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, T phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2024/HSST ngày 05/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với:

Bị cáo: ***Nguyễn Văn T***, sinh năm 1960 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đội 3, thôn Sáp Mai, xã V, huyện Đ, T phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Quyên (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Chính (đã chết); Có vợ là chị Hà Thị Phương Dung; có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: theo trích lục tiền án, tiền sự số 6316513/2024/PV06 ngày 15/01/2024 và lý lịch bị can thì bị cáo không có tiền án, tiền sự. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi trú. Có mặt.

*** Người bị hại:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1957; Trú tại: Đội 3, thôn Sáp Mai, xã V, huyện Đ, T phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/9/2023, bà Nguyễn Thị L đến Công an xã V, huyện Đ trình báo về việc gia đình bà L đổ nền bê tông và dựng lán tôn trên khu đất trống ven đường, Nguyễn Văn T chỉ đạo Phan Quang C điều khiển máy xúc phá hủy 32m^2 nền bê tông của gia đình bà L.

Vật chứng thu giữ của bà Nguyễn Thị L: 01 USB nhãn hiệu DT101 G2 16 GB bên trong chứa 04 đoạn video liên quan đến vụ việc.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Ngày 30/8/2023, T đi đến khu ruộng của mình thì phát hiện khu đất trống bên cạnh thửa ruộng đang được xây dựng và đổ bê tông, T cho rằng gia đình bà L san lấp, lấn chiếm khu ruộng của gia đình T. Ngày 31/8/2023, T báo chính quyền thôn biết để xử lý nhưng chính quyền thôn thông báo hai bên tự dàn xếp giải quyết. Chiều ngày 04/9/2023, T ra kiểm tra khu ruộng thì thấy khu đất trống đã được xây nền bê tông và bắn mái tôn kiên cố, một phần thửa ruộng trồng chuối cũng bị san gạt bê tông nên T cho rằng gia đình bà L có ý định chiếm đất và xây dựng chặn lối đi xuống đất ruộng, nên gọi điện cho anh Phan Quang C nhờ anh C mang máy xúc đến san khu đất trống để lấy lối đi ruộng, cả hai không thỏa thuận tiền công, anh C đồng ý giúp và lái máy xúc đến khu đất trống. Sau đó, T trực tiếp hướng dẫn anh C điều khiển máy xúc bóc dỡ toàn bộ phần nền bê tông diện tích 32m^2 của gia đình bà L đã xây dựng, còn phần lán tôn vẫn giữ nguyên. T không nói cho C biết việc phần nền bê tông và lán tôn thuộc sở hữu của bà L.

Ngày 17/10/2023, Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận 32m^2 nền bê tông kích thước (4x8x0,1)m bị hủy hoại trị giá **7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)**.

Cơ quan điều tra đã phối hợp với UBND xã V tiến hành kiểm tra, xác định địa điểm, mốc giới hành chính khu đất trống, khu đất ruộng, xác định:

Phần khu đất trống nằm trong quy hoạch đất đường của UBND xã V, không thuộc sở hữu của cá nhân nào. Khu vực đất ruộng trồng chuối của gia đình T được chính quyền thôn Sáp Mai tự bàn giao từ năm 2008, UBND xã không thực hiện việc bàn giao đất ruộng cho người dân. Khu đất trống nằm trên quỹ đất đường thuộc quản lý của UBND xã V, chính quyền xã và thôn không bàn giao cho người dân nào sử dụng và xây dựng trên phần bãi đất trống. Tuy nhiên tại khu vực bãi đất trống nêu trên, được hộ gia đình nhà bà L đổ nền bê tông và dựng lán tôn, nên việc bà L xây dựng trên khu đất là trái phép.

Đối với anh Phan Quang C có hành vi điều khiển máy xúc phá hủy nền bê tông theo yêu cầu của T, khi T nhờ anh C hỏi nền bê tông của ai thì T trả lời của T. Khi làm xong anh C mới biết đó là tài sản của bà L nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về phần dân sự: bà Nguyễn Thị L đề nghị T bồi thường trị giá tài sản bị hủy hoại theo giá Hội đồng định giá đã kết luận là 7.500.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKSĐA ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại Phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ Luật Hình sự. *Xử phạt:* bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

- Không áp dụng bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: 01 chiếc USB nhãn hiệu DT101 G2 16 GB bên trong chứa 04 đoạn video vụ việc là vật chứng của vụ án được lưu giữ theo hồ sơ vụ án

- Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 7.500.000 đồng. Xác nhận Bị cáo đã nộp tiền bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ cho người bị hại nay hoàn trả cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 04/9/2023, tại khu vực Đội 4, thôn Sáp Mai, xã V, huyện Đ, TP. Hà Nội, Nguyễn Văn T đã có hành vi thuê người dùng máy xúc phá, bóc dỡ 32m^2 nền bê tông của bà Nguyễn Thị L, trị giá 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội Hủy hoại tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS. Điều luật sự quy định:

"1. Người nào hủy hoại tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

... ”

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

2.1. Về tình tiết tăng nặng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

2.2.Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội thuộc lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra, bị cáo có bố đẻ được tặng huân chương kháng chiến, bị hại có lỗi và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng tại xã V, huyện Đ nên cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa C, áp dụng mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Quá trình điều tra bà L đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền bị thiệt hại là 7.500.000 đồng. Xét yêu cầu của bà L là phù hợp nên được chấp nhận. Xác nhận trước khi mở phiên toà xét xử bị cáo đã nộp số tiền 7.500.000 đồng để bồi thường cho người bị hại do hành vi bị cáo gây ra tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc USB nhãn hiệu DT101 G2 16 GB bên trong chứa 04 đoạn video vụ việc là vật chứng của vụ án được lưu giữ theo hồ sơ vụ án

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử. Kết luận điều tra của công an Đ, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và đề nghị hình phạt áp dụng với bị cáo là đúng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.Thời gian thử thách là **12** (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, T phố Hà Nội quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 7.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 7.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0017087 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; Khoản tiền này được trả cho bà L, bị cáo không phải thi hành nghĩa vụ dân sự nữa.

3. Về vật chứng vụ án: Tịch thu 01 chiếc USB nhãn hiệu DT101 G2 16 GB bên trong chứa 04 đoạn video lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miến, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Án xử công khai sơ thẩm; Bị cáo T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại là bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật .

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trung Trực

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo;
-Bị hại;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở TP T phố Hà Nội;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

Trần Trung Trực